

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực
tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 285/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

- Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước;
- Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch;
- Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp

cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền;

4. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm;

5. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm;

6. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm;

7. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm;

8. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành;

9. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành;

10. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

11. Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển;

12. Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ);

13. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển;

14. Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước;

15. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền:

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến khi có văn bản khác điều chỉnh, thay thế nội dung ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường được sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện nội dung được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nội dung được ủy quyền.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các vấn đề chưa được quy định, vượt thẩm quyền thì Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi thực hiện. Tổng hợp số liệu và báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất đến Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Trưởng Chi cục Thuế khu vực XIX, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- UBND tỉnh: CT và các PCT (để b/c);
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Chi cục Thuế Khu vực XIX bộ phận An Giang;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH An Giang, Báo An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KTĐT;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức